

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10 -5-2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lục Văn Khai

2. Ông Trần Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/3/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 05/TB-TA ngày 26/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1988. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 26 tháng 02 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T không tin tưởng, tôn trọng chị, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 12/2018, anh T đánh chị gây thương tích phải đi viện điều trị, sau đó chị làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án. Anh T và gia đình anh T đã tác động hòa giải, anh T hứa sẽ sửa chữa lỗi lầm nên chị đã rút đơn xin ly hôn về đoàn tụ. Quá

trình đoàn tụ, anh T vẫn không thay đổi, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Đến ngày 18/02/2019 chị lại làm đơn xin ly hôn anh T và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 09/10/2010, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 26/2/2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh sức khỏe yếu, không làm ăn được, trong cuộc sống vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, có cãi chửi và đánh nhau. Tháng 12/2018 chị N đã làm đơn xin ly hôn anh, anh và gia đình cũng đã hòa giải nên chị N rút đơn về đoàn tụ. Sau khi ăn tết xong, chị N lại làm đơn ly hôn anh, anh không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Giữa anh và chị N có một con chung là cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 09/10/2010. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T không hợp tác, không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không ký vào các biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh qua chính quyền địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Văn T và chị Bàn Thị N kết hôn và chung sống với nhau tại Thôn Đ, xã L, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên đánh chửi nhau nhưng anh chị cũng chưa đề nghị Ủy ban nhân dân xã hòa giải. Anh T và chị N có một con chung là Nguyễn Thị G. Anh T do ốm đau, bệnh tật nên chỉ làm ăn ở địa phương, còn chị N và con vẫn sinh sống, học tập và làm việc tại địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82

và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị N để xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 09/10/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã L, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bàn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 26 tháng 02 năm 2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không tin tưởng, tôn trọng chị, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Anh T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh sức khỏe yếu, không làm ăn được, trong cuộc sống vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, có cãi chửi và đánh nhau. Tháng 12/2018 chị N đã làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhưng được gia đình hòa giải, anh T hứa sẽ sửa chữa nên chị N đã rút đơn về đoàn tụ. Nhưng sau khi về đoàn tụ, anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, chị N lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh T. Thực tế tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã được chính quyền địa phương xác nhận. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị N là chính đáng, có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Bàn Thị N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 09/10/2010. Chị N và anh T thỏa thuận ly hôn sẽ giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Tuyết đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đề nghị về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bàn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 09/10/2010 cho chị Bàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002616 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận chị N đã nộp đủ).

Chị Bàn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã L (để niêm yết);
- UBND xã V;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Đào